

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THUỶ NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 16-01-2023  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Đắc Hân

Bà Bùi Thúy Mở

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 389/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn N; địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị T; địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 28 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:*

Anh Nguyễn Văn N kết hôn với chị Bùi Thị T trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 21 tháng 9 năm 1991. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung vợ chồng không thống nhất, bất đồng quan điểm, thiếu tin tưởng lẫn nhau trong lao động làm ăn kinh tế nên thường xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn anh N và chị T đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn giữa anh và chị T đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị Bùi Thị T. Anh và chị T có 03 con chung tên Nguyễn Văn Cường, sinh ngày 02/7/1992; Nguyễn Thị Thu Thảo, sinh ngày 03/4/1995; Nguyễn Duy Thịnh, sinh ngày 28/8/1996. Hiện các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh và chị T tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Thị T có nơi cư trú tại Thôn P, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Thị T không hợp tác, cố tình trốn tránh. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác cho chị Bùi Thị T nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị T vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của anh Nguyễn Văn N.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa anh N Văn N và chị Bùi Thị T. Về con chung: Con chung tên Nguyễn Văn Cường, sinh ngày 02/7/1992; Nguyễn Thị Thu Thảo, sinh ngày 03/4/1995; Nguyễn Duy Thịnh, sinh ngày 28/8/1996 đã thành niên và có

khả năng lao động. Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Anh N Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao căn cước công dân, bản sao giấy khai sinh của con chung; Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình chị Bùi Thị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là chị Bùi Thị T đang cư trú tại xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị Bùi Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn N và chị Bùi Thị T.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 21 tháng 9 năm 1991 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất, thường xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng anh N, chị T đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn anh N, chị T đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do, thể hiện chị T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh N và không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn N và chị Bùi Thị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Bùi Thị T.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Bùi Thị T có 03 con chung tên Nguyễn Văn Cường, sinh ngày 02/7/1992; Nguyễn Thị Thu Thảo, sinh ngày

03/4/1995; Nguyễn Duy Thịnh, sinh ngày 28/8/1996 hiện đều đã thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn N khai anh và chị Bùi Thị T tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác, chưa có lời khai của chị T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn N và chị Bùi Thị T.
2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008298 ngày 04 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên. Anh Nguyễn Văn N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn N và chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/9/1991);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hà**



